

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH G**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 70/2022/DSST

Ngày: 31/8/2022.

*“V/v: Tranh chấp hợp
đồng dân sự vay tài sản”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P - TỈNH G

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngà;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bá Lý và bà Tô Thị Lành;

- Thư ký phiên tòa: Ông Diệp Bảo Kiệt – Thư ký Tòa án nhân dân phố P, tỉnh G.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 73/2022/TLST-DS ngày 06/4/2022 về việc *“Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2022/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 85/2022/QĐST-DS ngày 05/8/2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Ông Trần Bá Hi, sinh 1965. Địa chỉ: Tổ 10, p Diên Hồng, thành phố P, tỉnh G. Có mặt.

-Bị Đơn: Bà Ng Th H. Địa chỉ: 91 Cao Bá Quát, p Yên Đỗ, thành phố P, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trần Bá Hi trình bày:

Thông qua mối quan hệ quen biết nên vào ngày 11/7/2019 bà Ng Th H có mượn của ông Hi số tiền 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng) để lo công việc, bà H tự viết giấy mượn tiền và cam kết sau 30 ngày sẽ trả lại cho ông Hi cả gốc và lãi. Đến hạn trả nợ ông Hi đã nhiều lần đến gặp bà H yêu cầu trả nợ nhưng bà H vẫn chây ì không trả nợ; tuy nhiên khi ông Hi gửi đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết thì vào tháng 6/2022 bà H đã trả cho ông được 30.000.000đồng (Ba mươi triệu đồng) tiền gốc. Nay ông Hi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Ng Th H trả cho ông Hi số tiền gốc còn lại là 26.000.000đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) và 18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng) tiền lãi suất cho số tiền

56.000.000đồng x 1%/tháng tính từ ngày vay 11/7/2019 đến ngày 04/4/2022; tổng cộng gốc và lãi là 44.000.000đ (Bốn mươi bốn triệu đồng).

Về án phí: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra ông Hi không trình bày gì thêm.

Đối với bị đơn bà Ng Th H trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng đến địa chỉ bà H đang cư trú tại: 91 Cao Bá Quát, pH Yên Đỗ, thành phố P, tỉnh G. Bà H đã ký nhận hợp lệ các văn bản tố tụng, bà H biết rõ về yêu cầu khởi kiện của ông Trần Bá Hi đối với bà, nhưng bà H không đến Tòa án làm việc, nên không có lời khai trình bày tại hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quyền khởi kiện, thời hiệu và thẩm quyền giải quyết:

Đơn khởi kiện của nguyên đơn làm đúng theo qui định về hình thức và nội dung tranh chấp, bị đơn Ng Th H có nơi cư trú tại thành phố P, nên thẩm quyền thuộc Tòa án nhân dân thành phố P thụ lý giải quyết và xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản*” là đúng theo qui định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Nội dung khởi kiện:

Chứng cứ nguyên đơn cung cấp là một giấy mượn tiền được đánh sẵn thành mẫu, nội dung được viết bằng mực bút bi xanh, số tiền vay là 56.000.000đồng, thời hạn vay 30 ngày, lãi suất tự thỏa thuận (bản gốc, bút lục số: 20). Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền gốc 30.000.000đồng. Nay nguyên đơn buộc bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc còn lại là: 26.000.000đồng và 18.000.000đồng tiền lãi suất, tổng cộng: 44.000.000đồng; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã nhận được các văn bản tố tụng và biết về nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, việc ký kết vay mượn tiền giữa nguyên đơn ông Trần Bá Hi và bị đơn bà Ng Th H là hình thức giao dịch về dân sự trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, hợp pháp theo qui định, nên phát sinh hiệu lực việc bà H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận là vi phạm cam kết giữa hai bên.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử nhận định: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Ng Th H phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc còn lại là 26.000.000đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) và

18.000.000đồng (Mười tám triệu đồng) tiền lãi suất 1%/tháng theo sự thỏa thuận của các bên; nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả lãi suất chậm trả kể từ ngày vi phạm thời hạn trả nợ, vì vậy không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Ng Th H phải chịu (44.000.000đồng x 5%) = 2.200.000đồng (*Hai triệu, hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 91, 93, 94, 95, 96, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (*Quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*).

- Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự 2015;

[1]. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Bá Hi.

[2]. Buộc bị đơn bà Ng Th H phải trả cho nguyên đơn ông Trần Bá Hi số tiền 44.000.000đ (Bằng chữ: Bốn mươi bốn triệu đồng), trong đó tiền gốc 26.000.000đồng, tiền lãi suất 18.000.000đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

[3] Về án phí:

Buộc bị đơn bà Ng Th H phải nộp: 2.200.000đồng (*Bằng chữ: Hai triệu, hai trăm ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn ông Trần Bá Hi số tiền: 1.850.000đ (*Bằng chữ: Một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0001509 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, G.

[4] Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

[5]. Trường hợp Quyết định, bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh G;
- VKSND TP.P;
- Chi cục THADS Tp.P;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Ngà